

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 – 5 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán | 6 – 60 |
| <i>Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | 6 – 9 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2024</i> | 10 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2024</i> | 11– 12 |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2024</i> | 13 – 58 |
| <i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | 59 - 60 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ-TTG ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ-UBND ngày 11/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 35 ngày 05/3/2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 35: 2.200.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024: 2.200.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0 1 0 0 1 0 1 2 7 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 60).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Ông Nguyễn Thái Dũng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| Bà Trần Thị Tuyết Nhung | Thành viên | |
| Bà Trần Huệ Linh | Thành viên | |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------|-------------------|----------------------------|
| Bà Dương Thị Lam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2025 |
| | Phó Tổng giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/03/2025 |
| | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 15/01/2025 |
| Ông Vũ Thanh Sơn | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/03/2025 |
| Bà Đỗ Tuệ Tâm | Phó Tổng giám đốc | |
| Ông Lê Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|----------------------------------|
| Bà Nguyễn Hồng Hải | Trưởng ban | |
| Bà Vũ Thị Quỳnh Trang | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Trọng Hiện | Thành viên | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Dương Thị Lam

Số : 2506.03.03/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2024Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 từ trang 06 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán Riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

+ Trong năm, Tổng Công ty nhận được khoản Doanh thu Hợp tác Kinh doanh số tiền 263 tỷ đồng (xem thuyết minh số VI.1). Đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, do đó chúng tôi chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý của việc ghi nhận khoản Doanh thu Hợp tác kinh doanh này.

+ Tại ngày phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của các Công ty mà Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đầu tư vào đơn vị khác bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra (đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 100%) và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã Tư Sở (đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 100%). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.181.614.653.585 | 1.312.417.899.562 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 51.757.199.535 | 32.740.474.916 |
| 1. Tiền | 111 | | 51.757.199.535 | 23.740.474.916 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 9.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.073.797.843.147 | 1.208.622.212.187 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2a | 287.583.935.805 | 295.669.197.355 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 324.884.763.063 | 338.503.392.530 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 174.232.969.710 | 174.281.019.710 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 481.290.087.776 | 402.158.989.258 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (194.193.913.207) | (1.990.386.666) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 31.318.815.465 | 32.430.125.945 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 31.318.815.465 | 32.430.125.945 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.740.795.438 | 38.625.086.514 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 13.049.229.612 | 13.326.415.257 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 11.213.702.932 | 11.033.935.618 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 477.862.894 | 14.264.735.639 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.867.523.237.644 | 1.886.052.984.348 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 8.725.396.857 | 9.127.686.717 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.2b | 7.624.765.257 | 8.015.055.117 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.100.631.600 | 1.112.631.600 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 522.094.414.658 | 543.694.765.001 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 476.279.744.781 | 497.741.528.758 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 747.186.099.581 | 752.218.121.496 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (270.906.354.800) | (254.476.592.738) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 45.814.669.877 | 45.953.236.243 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 48.749.592.011 | 48.870.496.011 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (2.934.922.134) | (2.917.259.768) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.11 | 94.506.412.135 | 98.180.247.667 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 131.527.016.822 | 131.527.016.822 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (37.020.604.687) | (33.346.769.155) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.12 | 847.032.762.520 | 809.458.246.123 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.12a | 546.582.721.998 | 540.164.418.746 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12b | 300.450.040.522 | 269.293.827.377 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.13 | 288.770.246.345 | 319.265.124.543 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 95.538.927.755 | 127.866.880.941 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 130.932.302.987 | 131.994.083.677 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 75.448.552.782 | 66.003.697.104 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (13.149.537.179) | (6.599.537.179) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 106.394.005.129 | 106.326.914.297 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 106.394.005.129 | 106.326.914.297 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.049.137.891.229 | 3.198.470.883.910 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 833.315.187.863 | 958.038.794.334 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 639.877.068.260 | 685.480.761.932 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 14.026.066.358 | 17.146.011.586 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15a | 2.702.568.219 | 1.636.697.723 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 27.114.110.760 | 1.443.110.152 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4.798.833.413 | 4.720.872.641 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 4.069.441.910 | 8.675.973.892 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.18a | 8.900.295.079 | 10.167.893.748 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a | 40.382.196.402 | 33.323.018.508 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 537.741.005.126 | 608.092.933.911 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 142.550.993 | 274.249.771 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 193.438.119.603 | 272.558.032.402 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | V.15b | 19.707.456.615 | 20.198.365.706 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.18b | 94.661.719.502 | 98.480.140.010 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.19b | 23.555.668.594 | 20.080.282.685 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 55.513.274.892 | 133.799.244.001 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.215.822.703.366 | 2.240.432.089.576 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 2.215.822.703.366 | 2.240.432.089.576 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.200.000.000.000 | 2.200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 2.200.000.000.000 | 2.200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 71.428.267 | 71.428.267 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (529.920.000) | (529.920.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 33.381.940.928 | 33.381.940.928 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (17.100.745.829) | 7.508.640.381 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 7.508.640.381 | 32.517.852.390 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (24.609.386.210) | (25.009.212.009) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.049.137.891.229 | 3.198.470.883.910 |

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Hằng

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Dương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------|------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 691.613.598.645 | 397.108.530.300 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | 3.754.555 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 691.613.598.645 | 397.104.775.745 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 326.856.762.138 | 299.256.146.379 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 364.756.836.507 | 97.848.629.366 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 70.155.632.281 | 64.225.924.655 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 150.795.459.639 | 74.050.367.846 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 84.105.341.477 | 72.184.880.169 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 30.461.119.164 | 31.599.763.799 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 276.287.816.027 | 79.940.819.011 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (22.631.926.042) | (23.516.396.635) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.338.129.946 | 593.957.301 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.146.984.485 | 1.933.157.455 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.808.854.539) | (1.339.200.154) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (24.440.780.581) | (24.855.596.789) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 168.605.629 | 153.615.220 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (24.609.386.210) | (25.009.212.009) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |

Người lập biểu

Uang

Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng

Uang

Nguyễn Thu Hằng

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Dương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (24.440.780.581) | (24.855.596.789) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 23.371.595.215 | 25.239.475.681 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 198.753.526.541 | (84.467.075) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (575.051.103) | 3.934.738 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 28.528.691.102 | (34.652.642.007) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 84.105.341.477 | 72.184.880.169 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 309.743.322.651 | 37.835.584.717 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (47.978.440.072) | (304.014.409.049) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (5.306.992.772) | (32.667.234.209) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 22.990.961.429 | 1.041.746.853 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 210.094.813 | 21.761.750.071 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (83.102.138.386) | (45.291.974.142) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (153.615.220) | (35.535.572) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 5.400.000 | 574.225.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (137.098.778) | (1.175.853.333) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 196.271.493.665 | (321.971.699.664) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (31.220.179.793) | (29.682.834.553) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 806.883.836 | 159.545.454 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (728.000.000) | (391.759.937) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 800.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (13.513.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 11.624.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 15.819.516.150 | 17.621.595.101 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (28.834.779.807) | 130.546.065 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | | |
|--|-------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 563.573.475.856 | 592.178.812.085 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (712.223.066.544) | (266.451.830.637) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (148.649.590.688) | 325.726.981.448 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 18.787.123.170 | 3.885.827.849 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 32.740.474.916 | 28.744.833.988 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 229.601.449 | 109.813.079 | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 51.757.199.535 | 32.740.474.916 |

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Hằng

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Dương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần

2. **Khái quát về công ty:**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ-TTG ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ-UBND ngày 11/8/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 35 ngày 05/3/2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 35: 2.200.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024: 2.200.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 0 1 0 1 2 7 3

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động Tổng Công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xây sát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia);
- Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**6. Cấu trúc doanh nghiệp:***Các Công ty con:*

| ST T | Tên Công ty | Tỷ lệ vốn sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ |
|------|---|------------------|------------------|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Rượu Hapro | 54,58% | 54,58% | KCN Hapro - Lê Chi - Gia Lâm - Hà Nội |
| 2 | Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro | 52,50% | 52,50% | Số 11B - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội |
| 3 | Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương | 54,13% | 54,13% | Số 150, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| 4 | Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước | 83,69% | 83,69% | Số 551, Tổ 1, Thôn Tân Phước, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam |
| 5 | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội | 60,97% | 60,97% | Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |

Tất cả các Công ty con đều Hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường

(1) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800009770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 22.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*), được chia thành 6.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(5) Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 05 tháng 11 năm 2024. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Các Công ty liên doanh, liên kết:

| STT | Tên Công ty | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ |
|-----|---|--------------|------------------|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | 30,00% | 30,00% | Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương |
| 2 | Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng | 40,00% | 40,00% | Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương |
| 3 | Công ty Cổ phần Thông tin Hapro | 26,77% | 26,77% | Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 4 | Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên | 30,94% | 30,94% | Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội |
| 5 | Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu | 40,00% | 40,00% | Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 6 | Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi | 30,00% | 30,00% | Số 11B Tràng Thi - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm |
| 7 | Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội | 40,00% | 40,00% | Phòng 1602 VP3 - Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội |
| 8 | Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội | 42,38% | 42,38% | Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội |
| 9 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi | 30,00% | 30,00% | Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Tây Hồ - Hà Nội |
| 10 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội | 20,00% | 20,00% | Số 24 - 26 Trần Nhật Duật - Hoàn Kiếm - Hà Nội |
| 11 | Công ty Cổ phần Thủy Tạ | 30,00% | 30,00% | Số 6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội |
| 12 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ | 30,00% | 30,00% | Số 6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội |
| 13 | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | 42,33% | 42,33% | Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội |

(1) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(2) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 05 ngày 18 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(6) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(7) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(8) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Dịch vụ chợ Bưởi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tô, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(10) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(11) Công ty Cổ phần Thủy Tạ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy Tạ chia tách thành 02 Công ty Cổ phần Thủy Tạ và Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thủy Tạ

(12) Công ty Cổ phần Thực Phẩm Thủy Tạ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109987899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2022, thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(13) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Các đơn vị trực thuộc:**

| STT | Đơn vị trực thuộc | Địa chỉ |
|-----|--|---|
| 1 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc | Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 2 | Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế | C4 – Giảng Võ – Hà Nội |
| 3 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart | Tầng 6, Số 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống – quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 4 | Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long | Hải Bối – Đông Anh – Hà Nội |
| 5 | Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam | Đền Lừ - Hoàng Mai – Hà Nội |
| 6 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu | Tổ 47 – Đông Anh – Hà Nội |
| 7 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh | 77 – 79 – Phó Đức Chính – quận 1 – Hồ Chí Minh |
| 8 | Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình | Thượng Đình – Thanh Xuân – Hà Nội |
| 9 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp | Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B – Tân Dương – Lai Vung – Đồng Tháp |
| 10 | Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên | Tổ dân phố Trại – Phường Dị Sứ - Thị xã Mỹ Hào – Tỉnh Hưng Yên |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC riêng:

Số liệu BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu trên BCTC riêng năm 2023.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp có 310 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 324 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 2014/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| | |
|---------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 - 08 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 10 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 - 20 năm |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp là:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-08 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước .

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi Cổ phần hóa doanh Nghiệp Nhà nước được phân bổ vào chi phí với thời gian 10 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng; tiền thuê đất...

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.292.395.971 | 1.049.245.653 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 47.986.731.672 | 21.552.888.632 |
| Tiền đang chuyển | 2.478.071.892 | 1.138.340.631 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 9.000.000.000 |
| Cộng | <u>51.757.199.535</u> | <u>32.740.474.916</u> |

2. Phải thu khách hàng**a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>133.723.720.311</i> | <i>173.235.002.632</i> |
| Công ty Cổ phần Vang Thăng Long | - | 591.176.010 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm | 21.699.352.045 | 19.969.007.891 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | 84.108.288.729 | 78.569.258.010 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | - | 34.594.536.265 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên | 5.951.973 | 10.602.253 |
| Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước | 173.787.934 | 75.336.943 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội | 6.703.124.324 | 6.703.124.324 |
| Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | - | 5.857.291 |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hapro Bốn mùa | - | 12.409.609.128 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro | 6.282.765.897 | 6.285.697.109 |
| Công ty Cổ phần Rượu Hapro | 1.422.939.068 | 2.914.765.645 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội | - | 2.390.464.364 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội | 13.079.772.602 | 8.467.829.660 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà | 110.819.466 | 110.819.466 |
| Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam | 36.918.273 | 36.918.273 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>153.860.215.494</i> | <i>122.434.194.723</i> |
| Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro | 5.525.654.918 | 5.255.416.562 |
| INDOBOSS, LDA | 15.631.285.106 | 14.965.211.723 |
| Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng | 9.001.628.464 | 8.268.187.364 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Hương | 6.687.942.000 | 13.729.367.500 |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hapro Bốn mùa | 11.995.707.094 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội | 2.390.464.364 | - |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | 35.825.164.874 | - |
| Các khách hàng khác | 66.802.368.674 | 80.216.011.574 |
| Cộng | <u>287.583.935.805</u> | <u>295.669.197.355</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>3.091.937.051</i> | <i>3.091.937.051</i> |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm | 1.745.750.385 | 1.745.750.385 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | 1.346.186.666 | 1.346.186.666 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>4.532.828.206</i> | <i>4.923.118.066</i> |
| Công ty TNHH Dững Thuỷ | 2.202.488.345 | 2.227.488.345 |
| Công ty Cổ phần Vinh Gia Lương | 766.749.040 | 1.016.249.040 |
| Công ty Cổ phần quốc tế Hà An | 1.009.652.400 | 1.009.652.400 |
| Phải thu khách hàng khác | 553.938.421 | 669.728.281 |
| Cộng | <u>7.624.765.257</u> | <u>8.015.055.117</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>53.542.570.089</i> | <i>65.042.570.089</i> |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng | 27.381.448.482 | 27.381.448.482 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà | 26.161.121.607 | 26.161.121.607 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro | - | 11.500.000.000 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>271.342.192.974</i> | <i>273.460.822.441</i> |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An | 116.686.935.911 | 116.686.935.911 |
| Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát | 31.307.345.324 | 31.307.345.324 |
| Các nhà cung cấp khác | 123.347.911.739 | 125.466.541.206 |
| Cộng | <u>324.884.763.063</u> | <u>338.503.392.530</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tò, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 134.388.411.056 | - | 151.531.019.710 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia Cầm | 24.980.266.000 | - | 24.980.266.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | 66.273.351.708 | - | 67.049.401.708 | - |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | - | - | 14.875.954.359 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước | 1.322.593.348 | - | 594.593.348 | - |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hapro Bốn mùa | - | - | 2.218.604.295 | - |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội | 41.812.200.000 | - | 41.812.200.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 39.844.558.654 | - | 22.750.000.000 | - |
| Công ty CP XNK Nam Hà Nội (Simex) | 7.300.000.000 | - | 7.300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần ĐTTM Hapro Đà Nẵng | 10.800.000.000 | - | 10.800.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro | 4.650.000.000 | - | 4.650.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | 14.875.954.359 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hapro Bốn mùa | 2.218.604.295 | - | - | - |
| Cộng | 174.232.969.710 | - | 174.281.019.710 | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**5. Phải thu khác
a, Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 409.020.234.162 | (2.444.019.724) | 287.239.934.735 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm | 169.673.555 | - | 169.673.555 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội | 7.601.161.388 | - | 7.601.161.388 | - |
| Công ty Cổ phần Khách sạn Tráng Thi | 1.435.976.102 | - | 1.075.594.482 | - |
| Công ty CP XNK Điều Việt Hà | 2.444.019.724 | (2.444.019.724) | 2.444.019.724 | - |
| Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam | 396.243.890.410 | - | 274.823.972.603 | - |
| Giá gốc Khoản hợp tác kinh doanh | 370.000.000.000 | - | 250.000.000.000 | - |
| Lãi Hợp tác Kinh doanh | 26.243.890.410 | - | 24.823.972.603 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng | 1.125.512.983 | - | 1.125.512.983 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 72.269.853.614 | (13.809.351.470) | 114.919.054.523 | - |
| Tạm ứng | 1.255.622.106 | - | 23.382.958.101 | - |
| Các khoản phải thu khác | 71.014.231.508 | - | 91.536.096.422 | - |
| Sở tài chính Hà Nội | 38.508.516.474 | - | 38.508.516.474 | - |
| Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An | 13.809.351.470 | (13.809.351.470) | 13.809.351.470 | - |
| Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro | 1.100.795.813 | - | 1.100.795.813 | - |
| Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát | 1.789.300.931 | - | 1.789.300.931 | - |
| Lãi dự thu | - | - | 6.041.096 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 15.806.266.820 | - | 36.322.090.638 | - |
| Cộng | 481.290.087.776 | (16.253.371.194) | 402.158.989.258 | - |

b, Dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 400.000 | - | 400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy Tạ - Ký cược, ký quỹ | 400.000 | - | 400.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.100.231.600 | - | 1.112.231.600 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.100.231.600 | - | 1.112.231.600 | - |
| Cộng | 1.100.631.600 | - | 1.112.631.600 | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

| | <u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u> | <u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------|--|---|---------------------------------|
| Số đầu năm | (1.990.386.666) | - | (1.990.386.666) |
| Trích lập dự phòng | (192.203.526.541) | | (192.203.526.541) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | | - |
| Số cuối năm | <u>(194.193.913.207)</u> | <u>-</u> | <u>(194.193.913.207)</u> |

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.***7. Hàng tồn kho**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.368.793.112 | - | 7.250.955.130 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 25.000.000 | - | - | - |
| Thành phẩm | 9.484.947.402 | - | 3.441.930.629 | - |
| Hàng hóa | 19.229.141.618 | - | 20.508.595.063 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | 17.711.790 | - |
| Hàng hóa Bất động sản | 1.210.933.333 | - | 1.210.933.333 | - |
| Cộng | <u>31.318.815.465</u> | <u>-</u> | <u>32.430.125.945</u> | <u>-</u> |

8. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 13.049.229.612 | 13.326.415.257 |
| Cộng | <u>13.049.229.612</u> | <u>13.326.415.257</u> |

b, Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công cụ, dụng cụ và chi phí khác | 95.524.974.909 | 92.347.509.781 |
| Chi phí thương hiệu | 10.869.030.220 | 13.979.404.516 |
| Cộng | <u>106.394.005.129</u> | <u>106.326.914.297</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 707.804.895.877 | 31.095.715.571 | 8.088.589.792 | 2.554.798.221 | 2.674.122.035 | 752.218.121.496 |
| Tăng trong năm | - | 59.500.000 | - | - | - | 59.500.000 |
| Phân loại lại | (671.506.364) | 671.506.364 | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (3.776.234.864) | (1.315.287.051) | - | - | (5.091.521.915) |
| Số cuối năm | 708.793.627.558 | 26.390.249.026 | 6.773.302.741 | 2.554.798.221 | 2.674.122.035 | 747.186.099.581 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 35.298.199.253 | 3.033.106.049 | 5.483.863.638 | 1.594.108.785 | 505.597.909 | 45.914.875.634 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 235.958.270.329 | 8.976.277.567 | 6.158.177.107 | 1.897.276.918 | 1.486.590.817 | 254.476.592.738 |
| Khấu hao trong năm | 18.528.679.430 | 703.103.274 | 229.882.498 | 65.417.707 | 36.577.056 | 19.563.659.965 |
| Phân loại lại | (335.402.582) | 335.402.582 | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.826.563.881) | (1.307.334.022) | - | - | (3.133.897.903) |
| Số cuối năm | 254.930.381.924 | 7.409.384.795 | 5.080.725.583 | 1.962.694.625 | 1.523.167.873 | 270.906.354.800 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 471.846.625.548 | 22.119.438.004 | 1.930.412.685 | 657.521.303 | 1.187.531.218 | 497.741.528.758 |
| Số cuối năm | 453.863.245.634 | 18.980.864.231 | 1.692.577.158 | 592.103.596 | 1.150.954.162 | 476.279.744.781 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u> |
|--|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 45.845.913.581 | 3.024.582.430 | 48.870.496.011 |
| Giảm khác (Hủy bỏ phần mềm) | - | (120.904.000) | (120.904.000) |
| Số cuối cuối năm | 45.845.913.581 | 2.903.678.430 | 48.749.592.011 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 1.923.998.250 | 1.923.998.250 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 2.917.259.768 | 2.917.259.768 |
| Khấu hao trong năm | 31.243.704 | 102.856.014 | 134.099.718 |
| Giảm khác (Hủy bỏ phần mềm) | - | (116.437.352) | (116.437.352) |
| Số cuối năm | 31.243.704 | 2.903.678.430 | 2.934.922.134 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 45.845.913.581 | 107.322.662 | 45.953.236.243 |
| Số dư cuối năm | 45.814.669.877 | - | 45.814.669.877 |

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho khoản vay là: 2.789.249.352 VNĐ.

11. Bất động sản đầu tư

| | <u>Nhà</u> | <u>Cơ sở hạ tầng</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 97.669.924.568 | 33.857.092.254 | 131.527.016.822 |
| Số cuối cuối năm | 97.669.924.568 | 33.857.092.254 | 131.527.016.822 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 16.381.649.174 | 16.965.119.981 | 33.346.769.155 |
| Khấu hao trong năm | 2.748.048.768 | 925.786.764 | 3.673.835.532 |
| Số cuối năm | 19.129.697.942 | 17.890.906.745 | 37.020.604.687 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 81.288.275.394 | 16.891.972.273 | 98.180.247.667 |
| Số dư cuối năm | 78.540.226.626 | 15.966.185.509 | 94.506.412.135 |

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho khoản vay có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 57.509.326.400 VNĐ và 47.573.878.362 VNĐ.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**12. Tài sản dở dang dài hạn****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

| | Chi phí phát sinh trong năm | | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | | | |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 540.164.418.746 | 6.418.303.252 | - | 546.582.721.998 |
| <i>Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lê Chí, Gia Lâm, Hà Nội</i> | <i>540.164.418.746</i> | <i>6.418.303.252</i> | - | <i>546.582.721.998</i> |
| Cộng | 540.164.418.746 | 6.418.303.252 | - | 546.582.721.998 |

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Chi phí phát sinh trong năm | | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | | | |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | - | - |
| + Dự án Trung tâm Phân phối và Mua sắm Hà Nội | 69.428.233.588 | 5.509.403.701 | - | 74.937.637.289 |
| + Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng | 144.093.422.165 | 17.183.256.005 | | 161.276.678.170 |
| + Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Hapro Thượng Đình | 27.710.284.302 | 1.580.729.004 | | 29.291.013.306 |
| + Xây dựng cơ bản khác | 28.061.887.322 | 6.882.824.435 | | 34.944.711.757 |
| Cộng | 269.293.827.377 | 31.156.213.145 | - | 300.450.040.522 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tò, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**13. Đầu tư tài chính dài hạn****Đầu tư vào công ty con**

Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội
 Công ty Cổ phần Rượu Hapro
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch thương nhân Hapro
 Công ty Cổ phần Âm thực Hapro Bốn mùa
 Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương
 Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước
 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng
 Công ty Cổ phần Thông tin Hapro
 Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên
 Công ty TNHH Cao ốc Á Châu
 Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi
 Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội
 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi
 Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội
 Công ty Cổ phần Thủy Tạ
 Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ
 Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm
 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội
 Công ty Cổ phần Phân phối Hapro (*)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | 95.538.927.755 | - | 127.866.880.941 | - |
| | - | - | 50.009.767.601 | - |
| | 12.296.331.337 | - | 10.143.042.918 | - |
| | 711.610.898 | - | 591.126.893 | - |
| | - | - | 7.252.102.353 | - |
| | 16.385.000.000 | - | 16.385.000.000 | - |
| | 44.135.128.820 | - | 43.485.841.176 | - |
| | 22.010.856.700 | - | | |
| | 130.932.302.987 | (5.304.537.179) | 131.994.083.677 | (5.304.537.179) |
| | 7.167.297.628 | - | 5.928.819.330 | - |
| | 4.000.000.000 | (4.000.000.000) | 4.000.000.000 | (4.000.000.000) |
| | 739.026.324 | - | 724.885.430 | - |
| | 8.888.625.561 | - | 7.993.607.413 | - |
| | 18.496.560.817 | - | 17.224.410.646 | - |
| | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| | 1.304.547.750 | (1.304.537.179) | 1.304.537.179 | (1.304.537.179) |
| | 22.261.258.758 | - | 20.476.371.906 | - |
| | 15.132.143.040 | - | 15.121.784.487 | - |
| | 28.426.598.108 | - | 28.107.732.638 | - |
| | 7.481.374.206 | - | 6.554.917.128 | - |
| | 6.554.917.129 | - | 6.554.917.129 | - |
| | 7.479.953.666 | - | 7.405.306.985 | - |
| | - | - | 7.596.793.406 | - |
| | - | - | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tò, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 75.448.552.782 | (7.845.000.000) | 66.003.697.104 | (1.295.000.000) |
| Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương (*) | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội | 17.154.346.367 | - | 16.506.975.469 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN | 1.295.000.000 | (1.295.000.000) | 1.295.000.000 | (1.295.000.000) |
| Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội | 788.160.603 | - | 780.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu | 30.404.368.931 | - | 22.973.117.966 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | 1.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền | 10.065.485.897 | - | 10.065.485.897 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ | 7.082.706.930 | - | 5.818.871.221 | - |
| Liên danh Trung tâm thương mại Chợ Ngã Tư Sở | 5.550.000.000 | (5.550.000.000) | 5.550.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên | 2.108.484.054 | - | 2.014.246.551 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà (**) | - | - | - | - |
| Cộng | 301.919.783.524 | (13.149.537.179) | 325.864.661.722 | (6.599.537.179) |

(*) Tổng Công ty Thương mại Hà Nội- Công ty Cổ phần ghi nhận khoản đầu tư theo xác định Giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Hà Nội ngày 30/6/2016. Trong năm 2024, Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty Cổ phần Phân phối Hapro.

(**) Tổng Công ty Thương mại Hà Nội- Công ty Cổ phần nhận chuyển nhượng giá 0 đồng.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (6.599.537.179) | (6.599.537.179) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (6.550.000.000) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | (13.149.537.179) | (6.599.537.179) |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------|------------------------|----------------|------------------------|
| | Tỷ lệ nắm giữ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ nắm giữ | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương (*) | - | 2,67% | 2,67% | 2,67% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội | 17.154.346.367 | 15% | 16.506.975.469 | 15% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN | 1.295.000.000 | 6,11% | 1.295.000.000 | 6,11% |
| Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội | 788.160.603 | 0,23% | 780.000.000 | 0,50% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu | 30.404.368.931 | 2,40% | 22.973.117.966 | 2,40% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra | 1.000.000.000 | 10,00% | 1.000.000.000 | 10,00% |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền | 10.065.485.897 | 10,00% | 10.065.485.897 | 10,00% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ | 7.082.706.930 | 5,57% | 5.818.871.221 | 5,77% |
| Liên danh Trung tâm thương mại Chợ Ngã Tư Sở | 5.550.000.000 | | 5.550.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên | 2.108.484.054 | 5,00% | 2.014.246.551 | 5,00% |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà (**) | - | 5,00% | - | 5,00% |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 1.264.848.863 | 1.264.848.863 | 1.366.218.919 | 1.366.218.919 |
| Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam | 1.092.074.043 | 1.092.074.043 | 1.092.074.043 | 1.092.074.043 |
| Công ty Cổ phần Rượu Hapro | 36.853.978 | 36.853.978 | 36.853.978 | 36.853.978 |
| Công ty Cổ phần Thông tin Hapro | 135.920.842 | 135.920.842 | 157.691.284 | 157.691.284 |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa | - | - | 51.969.600 | 51.969.600 |
| Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội | - | - | 14.765.215 | 14.765.215 |
| Công ty Cổ phần Thủy Tạ | - | - | 12.864.799 | 12.864.799 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 12.761.217.495 | 12.761.217.495 | 15.779.792.667 | 15.779.792.667 |
| Công ty Cổ phần Constrexim số 1 (Confitech) | 1.693.086.975 | 1.693.086.975 | 3.665.913.318 | 3.665.913.318 |
| Công ty CP dịch vụ khai thác Bất động sản Việt Nam | 37.980.900 | 37.980.900 | 1.176.290.502 | 1.176.290.502 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Công | - | - | 1.260.894.600 | 1.260.894.600 |
| Công ty Cổ phần xây lắp số 3 Hà Nội | 1.067.952.123 | 1.067.952.123 | - | - |
| Công ty cổ phần dịch vụ quản lý tài sản Việt Nam | 962.979.779 | 962.979.779 | 485.977.955 | 485.977.955 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội | 1.010.541.092 | 1.010.541.092 | 147.982.196 | 147.982.196 |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa | 69.271.200 | 69.271.200 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 7.919.405.426 | 7.919.405.426 | 9.042.734.096 | 9.042.734.096 |
| Cộng | 14.026.066.358 | 14.026.066.358 | 17.146.011.586 | 17.146.011.586 |

15. Người mua trả tiền trước**a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 2.702.568.219 | 1.636.697.723 |
| BOZKUS IC VE DIS TICARET LIMIT | 353.834.400 | 353.834.400 |
| Veles LLC | 202.811.720 | 202.811.720 |
| LLC OFS EXPORT | - | 240.600.000 |
| UAB " Atlantic Way" | - | 481.200.000 |
| Fertoz Agricul Ture Pty Ltd | 190.109.729 | 91.211.967 |
| Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam á | 1.139.943.024 | - |
| Các khách hàng khác | 815.869.346 | 267.039.636 |
| Cộng | 2.702.568.219 | 1.636.697.723 |

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 19.707.456.615 | 20.198.365.706 |
| Vũ Thị Thanh Mai | 2.164.296.032 | 2.164.296.032 |
| Nguyễn Thị Thanh Thủy | 2.538.975.103 | 2.538.975.103 |
| Các khách hàng khác | 15.004.185.480 | 15.495.094.571 |
| Cộng | 19.707.456.615 | 20.198.365.706 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT | 1.354.681.706 | 38.081.174.910 | 12.396.259.843 | 27.039.596.773 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 5.429.518 | 85.146.280 | 88.594.377 | 1.981.421 |
| Thuế Xuất Nhập khẩu | - | 234.314.015 | 234.314.015 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 82.998.928 | 1.153.474.931 | 1.163.941.293 | 72.532.566 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 62.751.472.616 | 62.751.472.616 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 184.751.075 | 184.751.075 | - |
| Cộng | 1.443.110.152 | 102.490.333.827 | 76.819.333.219 | 27.114.110.760 |

b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

| | Số đầu năm | Số đã thu trong năm | Số phải thu trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------|
| Thuế TNDN nộp thừa | 330.177.347 | 168.605.629 | 153.615.220 | 315.186.938 |
| Tiền thuê đất nộp thừa | 13.778.293.351 | 13.901.276.055 | 129.393.719 | 6.411.015 |
| Các khoản khác phải thu Nhà nước | 156.264.941 | - | - | 156.264.941 |
| Cộng | 14.264.735.639 | 14.069.881.684 | 283.008.939 | 477.862.894 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%, 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 4.069.441.910 | 8.675.973.892 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.813.063.913 | 6.722.647.123 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 2.256.377.997 | 1.953.326.769 |
| Cộng | 4.069.441.910 | 8.675.973.892 |

18. Doanh thu chưa thực hiện**a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Doanh thu nhận trước | 8.900.295.079 | 10.167.893.748 |
| Cộng | 8.900.295.079 | 10.167.893.748 |

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu nhận trước cho thuê nhà đất | 94.661.719.502 | 98.480.140.010 |
| Cộng | 94.661.719.502 | 98.480.140.010 |

19. Phải trả khác**a, Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 40.382.196.402 | 33.323.018.508 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 24.291.609 | 24.291.609 |
| Kinh phí công đoàn | 35.495.258 | 36.944.858 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 1.402.500 |
| Bảo hiểm y tế | - | 247.500 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 110.000 |
| Phải trả, phải nộp khác | 39.055.268.346 | 31.757.565.491 |
| + Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh tiền lãi vay | 13.176.493.151 | 8.543.835.618 |
| + Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường tiền lãi vay | 19.932.457.534 | 18.652.328.766 |
| + Đối tượng khác | 5.946.317.661 | 4.561.401.107 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 1.093.006.600 | 1.402.054.535 |
| Phải trả về cổ phần hoá | 9.637.932 | 9.637.932 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 164.496.657 | 90.764.083 |
| Cộng | 40.382.196.402 | 33.323.018.508 |

b, Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 23.555.668.594 | 20.080.282.685 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 21.555.668.594 | 18.080.282.685 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 23.555.668.594 | 20.080.282.685 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 332.905.503.022 | 332.905.503.022 | 268.950.182.859 | 268.950.182.859 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | | | | |
| - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Chi nhánh Xuất nhập khẩu Phía Bắc (1)) | 3.537.589.490 | 3.537.589.490 | 29.538.352.541 | 29.538.352.541 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | | | | |
| - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng) (1)) | 303.826.213.532 | 303.826.213.532 | 211.411.830.318 | 211.411.830.318 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | | | | |
| - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (1)) | 25.541.700.000 | 25.541.700.000 | 28.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 115.250.000.000 | 115.250.000.000 | 250.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường (2)) | 115.250.000.000 | 115.250.000.000 | 250.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 89.585.502.104 | 89.585.502.104 | 89.142.751.052 | 89.142.751.052 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | | | | |
| - Chi nhánh Hà Nội (3)) | 89.585.502.104 | 89.585.502.104 | 89.142.751.052 | 89.142.751.052 |
| Cộng | 537.741.005.126 | 537.741.005.126 | 608.092.933.911 | 608.092.933.911 |

(1) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi Nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng sau

1.1. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF2422900299 ngày 12/09/2024

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương (Hạn mức cho chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm xuất nhập khẩu phía Bắc là 30.000.000.000 đồng. Hạn mức cho chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP tại tỉnh Đồng Tháp tối đa là 20.000.000.000 đồng. Hạn mức của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần là 100.000.000.000 đồng).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, hạn mức L/C và bảo lãnh, hạn mức chiết khấu bộ chứng từ.

- Lãi suất: Được xác định theo từng Giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể.

- Hình thức đảm bảo:

Tài sản đảm bảo 01: Bất động sản tại Thửa đất số 86 tờ bản đồ số 21 tại xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 140669, số vào sổ cấp GCN: CT03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/09/2015, 04 Bất động sản tại Khu biệt thự sân gôn Montgomerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 246705, số vào sổ cấp GCN: CT11632; CB246708, số vào sổ cấp GCN: CT11633; CB 246709, số vào sổ cấp GCN: CT11634, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/09/2015, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3472, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/05/2020 do Công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 12/05/2020; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 00783, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/05/2020 do Công chứng viên Văn phòng công chứng Hội An chứng nhận ngày 11/05/2020 trị giá 58.940.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản bảo đảm 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai phát sinh từ Dự án Khu nhà ở và khu phụ trợ cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của Tổng công ty thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần trị giá 953.199.738.400 đồng, bao gồm 130 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.2. Hợp đồng cho vay từng lần kèm giấy (khế ước nhận nợ) số REF2410300379 ngày 17/4/2024 số tiền vay 200.000.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất vay 10,6%/năm

Mục đích sử dụng tiền vay: “Thanh toán tiền Hợp tác kinh doanh để bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng 2903.24/HĐHT/HTM-INTVN ngày 10/4/2024 ký giữa Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam”.

1.3. Hợp đồng cho vay từng lần kèm giấy (khế ước nhận nợ) số REF2417200280 ngày 28/6/2024 số tiền vay 96.000.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất vay 10,6%/năm

Mục đích sử dụng tiền vay: “Thanh toán tiền Hợp tác kinh doanh để bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng 96.24/HĐHT/HTM-INTVN ngày 16/5/2024 ký giữa Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam”.

(2) Đây là khoản vay Công ty Cổ phần Golf Thiên Đường theo các Hợp đồng vay sau

+ Hợp đồng 16/2023/HĐVV/GONTHIENDUONG-HAPRO ngày 07/4/2023 và Phụ lục gia hạn số 01 ngày 07/4/2024. Số tiền vay vốn 150.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để phục vụ nhu cầu tài chính của Công ty. Thời hạn vay 02 năm.

+ Hợp đồng 25/2023/HĐVV/GONTHIENDUONG-HAPRO ngày 17/5/2023 và Phụ lục gia hạn số 01 ngày 17/5/2024. Số tiền vay vốn 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để phục vụ nhu cầu tài chính của Công ty. Thời hạn vay 02 năm.

(3) Đây là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2012500365 ký kết với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội ngày 11 tháng 05 năm 2020.

"- Số tiền vay: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn).

+ Tối đa 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng chẵn), mục đích: Bù đắp các chi phí đã thanh toán của dự án Khu nhà ở biệt thự và nhà ở chuyên gia - Chủ đầu tư: Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần.

+ Tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn), mục đích: Bổ sung vốn thanh toán phục vụ cho dự án Khu nhà ở biệt thự và nhà ở chuyên gia - Chủ đầu tư: Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần."

- Mục đích vay: Vay bù đắp chi phí đã thanh toán của dự án, bao gồm: Tiền thuế đất, các chi phí xây dựng đã thanh toán, vay bổ sung thanh toán phục vụ dự án;

- Thời hạn vay: Tối đa 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất cho vay: Theo quy định của SeaBank tại thời điểm giải ngân;

- Hình thức đảm bảo: Tài sản bảo đảm 01: Bất động sản tại Thửa đất số 86 tờ bản đồ số 21 tại xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 140669, số vào sổ cấp GCN: CT03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/09/2015, 04 Bất động sản tại Khu biệt thự sân golf Montgomerie Links Việt Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 246705, số vào sổ cấp GCN: CT11631; CB 246707, số vào sổ cấp GCN: CT11632; CB 246708, số vào sổ cấp GCN: CT11633; CB 246709, số vào sổ cấp GCN: CT11634, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/09/2015, trị giá: 58.940.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

chín trăm bốn mươi triệu đồng). Tài sản bảo đảm 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai phát sinh từ Dự án Khu nhà ở và khu phụ trợ cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP trị giá 953.199.738.400 đồng, bao gồm 130 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 13.513.274.892 | 13.513.274.892 | 91.799.244.001 | 91.799.244.001 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án khu nhà ở (3)</i> | - | - | 88.700.000.000 | 88.700.000.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Trương Định (3)</i> | 2.213.741.897 | 2.213.741.897 | 3.099.244.001 | 3.099.244.001 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án Siêu thị Cầu Bươu (4)</i> | 11.299.532.995 | 11.299.532.995 | - | - |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh (5)</i> | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Cộng | 55.513.274.892 | 55.513.274.892 | 133.799.244.001 | 133.799.244.001 |

(4) Đây là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2415700022 ký kết với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội ngày 14 tháng 10 năm 2024.

- Số tiền vay: 26.315.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay bù đắp chi phí đã thanh toán của dự án, vay bổ sung thanh toán Xây dựng Dự án Siêu thị Cầu Bươu;
- Thời hạn vay: 120 tháng; Thời hạn rút vốn 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo quy định của SeaBank tại thời điểm giải ngân;

(5) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay vốn kinh doanh số 08/2022/HĐVV/PTTNHH-HARPRO ký kết với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh ngày 25 tháng 02 năm 2022.

- Số tiền vay: 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn);
- Mục đích vay: Giải quyết nhu cầu tài chính của Tổng Công ty thương mại - Công ty Cổ phần;
- Thời hạn vay: 03 năm kể từ ngày Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh chuyển tiền vay vốn vào tài khoản bên Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm (01 năm tính 365 ngày) trong thời hạn thực vay tính trên số dư thực tế mà Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh đã chuyển cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Tăng/giảm khác | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 268.950.182.859 | 432.273.942.861 | | 11.692.794 | (368.330.315.492) | 332.905.503.022 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Chi nhánh Xuất nhập khẩu Phía Bắc (1))</i> | 29.538.352.541 | 34.409.268.958 | - | 11.692.794 | (60.421.724.803) | 3.537.589.490 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của Văn phòng) (1)</i> | 211.411.830.318 | 316.644.839.903 | - | - | (224.230.456.689) | 303.826.213.532 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp) (1)</i> | 28.000.000.000 | 81.219.834.000 | - | - | (83.678.134.000) | 25.541.700.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 250.000.000.000 | 120.000.000.000 | - | - | (254.750.000.000) | 115.250.000.000 |
| <i>Công ty CP Phát triển Golf Thiên Đường (2)</i> | 250.000.000.000 | - | - | - | (134.750.000.000) | 115.250.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh</i> | - | 120.000.000.000 | - | - | (120.000.000.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 89.142.751.052 | - | 89.585.502.104 | - | (89.142.751.052) | 89.585.502.104 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (3)</i> | 89.142.751.052 | - | 89.585.502.104 | - | (89.142.751.052) | 89.585.502.104 |
| Cộng | 608.092.933.911 | 552.273.942.861 | 89.585.502.104 | 11.692.794 | (712.223.066.544) | 537.741.005.126 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Số cuối năm |
|------------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 91.799.244.001 | 11.299.532.995 | - | (89.585.502.104) | 13.513.274.892 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 42.000.000.000 | - | - | - | 42.000.000.000 |
| Cộng | 133.799.244.001 | 11.299.532.995 | - | (89.585.502.104) | 55.513.274.892 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 2.200.000.000.000 | 71.428.267 | (529.920.000) | 33.381.940.928 | 32.517.852.390 | 2.265.441.301.585 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | (25.009.212.009) | (25.009.212.009) |
| Số dư cuối năm trước | 2.200.000.000.000 | 71.428.267 | (529.920.000) | 33.381.940.928 | 7.508.640.381 | 2.240.432.089.576 |
| Số dư đầu năm nay | 2.200.000.000.000 | 71.428.267 | (529.920.000) | 33.381.940.928 | 7.508.640.381 | 2.240.432.089.576 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | (24.609.386.210) | (24.609.386.210) |
| Số dư cuối năm | 2.200.000.000.000 | 71.428.267 | (529.920.000) | 33.381.940.928 | (17.100.745.829) | 2.215.822.703.366 |

b, Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|---|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam | 1.430.000.000.000 | 65,00% | 1.430.000.000.000 | 65,00% |
| Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Hòa Hải (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản nghi đường Quảng Nam) | 347.584.690.000 | 15,80% | 347.584.690.000 | 15,80% |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean | 115.846.000.000 | 5,27% | 115.846.000.000 | 5,27% |
| Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công | 278.981.250.000 | 12,68% | 278.981.250.000 | 12,68% |
| Các Cổ đông khác | 27.588.060.000 | 1,25% | 27.588.060.000 | 1,25% |
| Cộng | 2.200.000.000.000 | 100,00% | 2.200.000.000.000 | 100,00% |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**c, Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 220.000.000 | 220.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 220.000.000 | 220.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 41.400 | 41.400 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 41.400 | 41.400 |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 219.958.600 | 219.958.600 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 219.958.600 | 219.958.600 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu thành phẩm hàng hóa | 271.914.606.840 | 242.833.505.134 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ (*) | 417.930.176.895 | 152.538.972.308 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 1.768.814.910 | 1.736.052.858 |
| Cộng | <u>691.613.598.645</u> | <u>397.108.530.300</u> |

(*) Trong đó bao gồm khoản Doanh thu Hợp tác Kinh doanh số tiền 263 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HĐ-HTDK ký ngày 06/3/2024 v/v “Mở rộng Mạng lưới Kinh doanh trong tiếp thị bán hàng cho Dự án Khu căn hộ cao tầng (Tòa nhà căn hộ) thuộc Dự án Khu đô thị thương mại và Dịch vụ thể thao cao cấp New Town”.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|-----------------|-------------------------|
| Giảm giá hàng bán | - | 3.754.555 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>3.754.555</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn thành phẩm, hàng hóa | 229.563.541.671 | 204.578.002.162 |
| Giá vốn dịch vụ | 96.367.433.703 | 93.697.727.457 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 925.786.764 | 980.416.760 |
| Cộng | <u>326.856.762.138</u> | <u>299.256.146.379</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 15.005.962.824 | 14.974.602.091 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 15.074.415.861 | 17.338.368.942 |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư | - | 3.863.236.567 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 595.784.507 | 157.865.898 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 5.045.698.719 | 3.067.878.554 |
| Lợi nhuận Hợp tác kinh doanh | 34.377.452.054 | 24.823.972.603 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 56.318.316 | - |
| Cộng | <u>70.155.632.281</u> | <u>64.225.924.655</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 84.105.341.477 | 72.184.880.169 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.669.749.566 | 1.703.687.041 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 20.972.281 | 161.800.636 |
| Lỗ chuyển nhượng công ty con | 57.449.396.315 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư | 6.550.000.000 | - |
| Cộng | <u>150.795.459.639</u> | <u>74.050.367.846</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.089.400.124 | 11.522.128.943 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 500.371.460 | 458.701.500 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.005.633.994 | 600.211.370 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.513.130.357 | 2.112.537.481 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.347.485.270 | 12.487.282.213 |
| Các chi phí khác | 3.005.097.959 | 4.418.902.292 |
| Cộng | <u>30.461.119.164</u> | <u>31.599.763.799</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 25.601.641.555 | 26.748.735.547 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 116.217.783 | 143.743.270 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.030.858.024 | 327.870.901 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.017.728.544 | 6.374.467.196 |
| Thuế, phí và lệ phí | 841.643.979 | 484.493.393 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 192.203.526.541 | (84.467.075) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.222.782.131 | 11.375.745.558 |
| Các chi phí khác | 42.253.417.470 | 34.570.230.221 |
| Cộng | <u>276.287.816.027</u> | <u>79.940.819.011</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tiền phạt, tiền đền bù thu được | 3.125.000 | 63.752.144 |
| Thu thanh lý CCDC | 14.491.986 | 42.727.273 |
| Lãi thanh lý TSCĐ | - | - |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 1.289.586.303 | 385.151.539 |
| Thu nhập khác | 30.926.657 | 102.326.345 |
| Cộng | <u>1.338.129.946</u> | <u>593.957.301</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Các khoản Phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính | 867.162.883 | - |
| Giá trị còn lại của CCDC | 862.292.859 | - |
| Lỗ từ thanh lý TSCĐ | 1.155.206.824 | 921.581.145 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 262.186.174 | 387.130.698 |
| Phá dỡ nhà cửa số 6 cầu Bươu để thi công dự án | - | 601.984.448 |
| Chi phí khác | 135.745 | 22.461.164 |
| Cộng | <u>3.146.984.485</u> | <u>1.933.157.455</u> |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (24.440.780.581) | (24.855.596.789) |
| <i>Trong đó Hoạt động kinh doanh BĐS</i> | <i>843.028.146</i> | <i>768.076.098</i> |
| <i>Trong đó Hoạt động Sản xuất kinh doanh thông thường</i> | <i>(25.283.808.727)</i> | <i>(25.623.672.887)</i> |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 30.362.204.221 | (3.741.395.447) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 46.301.211.752 | 25.617.476.812 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | <u>(15.939.007.531)</u> | <u>(29.358.872.259)</u> |
| Thu nhập chịu thuế | 5.921.423.640 | (28.596.992.236) |
| <i>Trong đó Hoạt động kinh doanh BĐS</i> | <i>843.028.146</i> | <i>768.076.098</i> |
| <i>Trong đó Hoạt động Sản xuất kinh doanh thông thường</i> | <i>5.078.395.494</i> | <i>(29.365.068.334)</i> |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗ năm trước được chuyển | (5.078.395.494) | - |
| Thu nhập tính thuế | 843.028.146 | (28.596.992.236) |
| <i>Trong đó Hoạt động kinh doanh BĐS</i> | <i>843.028.146</i> | <i>768.076.098</i> |
| <i>Trong đó Hoạt động Sản xuất kinh doanh thông thường</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | <u>168.605.629</u> | <u>153.615.220</u> |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | <u>-</u> | <u>-</u> |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>168.605.629</u> | <u>153.615.220</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tăng vốn góp vào Công ty con từ phải thu khác | 2.971.697.540 | - |
| Tăng vốn góp vào Công ty liên kết từ phải thu về cho vay | 776.050.000 | - |
| Tăng vốn góp vào Công ty liên kết từ phải thu khác | 6.660.026.010 | - |
| Tăng vốn góp Đầu tư khác từ Phải thu khác | 9.444.855.678 | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

| | | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyễn Thái Dũng | Chủ tịch HĐQT | 60.000.000 | 65.000.000 |
| Vũ Thanh Sơn | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023) | - | 12.000.000 |
| Trần Anh Tuấn | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 05/05/2023) | - | 12.000.000 |
| Trần Thị Tuyết Nhung | Thành viên HĐQT | 36.000.000 | 39.000.000 |
| Trần Huệ Linh | Thành viên HĐQT | 36.000.000 | 39.000.000 |
| Vũ Thanh Sơn | Tổng Giám đốc | 1.592.746.422 | 1.517.683.040 |
| Dương Thị Lam | Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng | 843.019.750 | 830.916.250 |
| Đỗ Tuệ Tâm | Phó Tổng giám đốc | 679.646.320 | 697.978.000 |
| Lê Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | 609.800.661 | 652.372.000 |
| Nguyễn Hồng Hải | Trưởng BKS | 36.000.000 | 39.000.000 |
| Vũ Thị Quỳnh Trang | Thành viên BKS | 12.000.000 | 13.000.000 |
| Nguyễn Trọng Hiện | Thành viên BKS | 12.000.000 | 13.000.000 |
| Tổng cộng | | <u>3.917.213.153</u> | <u>3.930.949.290</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội (*Tổng Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này năm 2024*)
Công ty Cổ phần Rượu Hapro
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ và du lịch thương nhân Hapro
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa (*Tổng Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này năm 2024*)
Công ty Cổ phần Công nghệ Phẩm Hải Dương
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội (*Công ty liên kết trở thành Công ty con từ ngày 01/10/2024*)
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia Cầm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Dịch vụ Chợ Bưởi
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội
Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy Tạ
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro (*Tổng Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này năm 2024*)

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam
Công ty Cổ Phần Intimex
Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Hòa Hải (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản nghỉ dưỡng Quảng Nam)

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con

Công ty con

Công ty con
Công ty con

Công ty con

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Công ty liên kết
Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty nhận vốn góp
Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cổ đông của Công ty

Cổ đông của Công ty

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Trong năm Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

| Cung cấp hàng hóa, dịch vụ, lãi cho vay | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Vang Thăng Long | 171.225.516 | 261.556.783 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia Cầm | 1.921.986.121 | 1.705.551.368 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | 5.543.605.265 | 5.534.011.939 |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | 1.238.810.425 | 1.235.448.054 |
| Công ty Cổ phần Thông tin Hapro | 2.000.000 | 9.090.907 |
| Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên | 15.300.600 | 22.383.360 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Xuất nhập khẩu Điều Bình Phước | 98.450.991 | 24.259.148 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro | 26.536.858 | 30.968.230 |
| Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thời trang Hà Nội | 307.649.484 | 296.932.714 |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa | 1.500.800.761 | 636.367.991 |
| Công ty Cổ phần Rượu Hapro | 250.469.336 | 54.929.513 |
| Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | 1.704.795.273 | 1.610.408.895 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội | 4.613.942.942 | 4.600.462.005 |
| Công ty Cổ phần Thủy Tạ | - | 5.272.728 |
| Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam | - | 313.869.374 |
| Công ty TNHH Cao ốc Á Châu | - | 2.020.909 |
| Mua hàng | Năm 2024 | Năm 2023 |
| Công ty Cổ phần Vang Thăng Long | 48.274.545 | 53.840.783 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | 2.416.885.280 | 3.941.336.212 |
| Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | 1.418.182 | - |
| Công ty Cổ phần Thông tin Hapro | 1.646.503.170 | 2.019.394.802 |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro Bốn mùa | 1.087.392.000 | 1.898.001.111 |
| Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | 473.812.073 | 994.210.421 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội | - | - |
| Công ty Cổ phần Rượu Hapro | 249.531.808 | 135.231.829 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội | 16.033.358 | 25.822.675 |
| Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam | 70.977.191 | 109.682.852 |
| Công ty Cổ phần Thủy Tạ | 33.322.093 | 108.776.999 |
| Công ty CP Thực phẩm Thủy Tạ | 119.939.806 | 82.436.284 |
| Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên | 12.510.475 | |
| Nhận Cổ tức | Năm 2024 | Năm 2023 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ | 2.490.000.000 | 2.460.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền | 6.474.537.690 | 6.573.505.141 |
| Công ty TNHH Cao ốc Á Châu | 3.570.954.371 | 2.616.764.701 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội | - | 339.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên | 556.948.800 | 417.711.600 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | | |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên | - | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | 600.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Toàn Cầu | 1.199.275.000 | 1.798.912.500 |
| Công ty cổ phần Thủy Tạ | - | 1.349.775.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương | 182.700.000 | 182.700.000 |
| Hợp tác kinh doanh | Năm 2024 | Năm 2023 |
| Công ty Cổ Phần Intimex | | |
| Phải thu gốc Hợp tác kinh doanh | 370.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| Thu gốc Hợp tác kinh doanh | 250.000.000.000 | - |
| Phải thu lãi Hợp tác kinh doanh | 34.377.452.054 | 24.823.972.603 |
| Thu lãi Hợp tác kinh doanh | 32.957.534.247 | - |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.5; V.13; V.14; V.19; V.20./.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tò, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | Miền Bắc | Miền Nam | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|-----------------|-----------------|--------------------|-------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 574.537.517.368 | 172.145.068.090 | (55.068.986.813) | 691.613.598.645 |
| Chi phí bộ phận | 204.998.082.457 | 164.511.897.928 | (42.653.218.247) | 326.856.762.138 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 369.539.434.911 | 7.633.170.162 | (12.415.768.566) | 364.756.836.507 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | 306.748.935.191 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 58.007.901.316 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 70.155.632.281 |
| Chi phí tài chính | | | | 150.795.459.639 |
| Thu nhập khác | | | | 1.338.129.946 |
| Chi phí khác | | | | 3.146.984.485 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | 168.605.629 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | (24.609.386.210) |

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực Kinh doanh BĐS

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Bán hàng hóa và thành phẩm | 271.914.606.840 | 242.833.505.134 |
| Cung cấp dịch vụ | 417.930.176.895 | 152.538.972.308 |
| Kinh doanh Bất động sản | 1.768.814.910 | 1.736.052.858 |
| Cộng | 691.613.598.645 | 397.108.530.300 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 537.741.005.126 | 55.513.274.892 | - | 593.254.280.018 |
| Phải trả người bán | 14.026.066.358 | - | - | 14.026.066.358 |
| Các khoản phải trả khác | 49.250.471.725 | 23.555.668.594 | - | 72.806.140.319 |
| Cộng | 601.017.543.209 | 79.068.943.486 | - | 680.086.486.695 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 608.092.933.911 | 133.799.244.001 | - | 741.892.177.912 |
| Phải trả người bán | 17.146.011.586 | - | - | 17.146.011.586 |
| Các khoản phải trả khác | 46.719.865.041 | 20.080.282.685 | - | 66.800.147.726 |
| Cộng | 671.958.810.538 | 153.879.526.686 | - | 825.838.337.224 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 51.757.199.535 | 32.740.474.916 | 51.757.199.535 | 32.740.474.916 |
| Phải thu khách hàng | 277.012.333.297 | 302.761.676.397 | 277.012.333.297 | 302.761.676.397 |
| Các khoản cho vay | 174.232.969.710 | 174.281.019.710 | 174.232.969.710 | 174.281.019.710 |
| Các khoản phải thu khác | 482.390.719.376 | 403.271.620.858 | 482.390.719.376 | 403.271.620.858 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 288.770.246.345 | 319.265.124.543 | 288.770.246.345 | 319.265.124.543 |
| Cộng | 1.274.163.468.263 | 1.232.319.916.424 | 1.274.163.468.263 | 1.232.319.916.424 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 593.254.280.018 | 741.892.177.912 | 593.254.280.018 | 741.892.177.912 |
| Phải trả người bán | 14.026.066.358 | 17.146.011.586 | 14.026.066.358 | 17.146.011.586 |
| Các khoản phải trả khác | 72.806.140.319 | 66.800.147.726 | 72.806.140.319 | 66.800.147.726 |
| Cộng | 680.086.486.695 | 825.838.337.224 | 680.086.486.695 | 825.838.337.224 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6. Thông tin khác

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hằng

Lập ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Dương Thị Lam

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | 18.196.367.765 | (18.196.367.765) | 922.576.075 | (922.576.075) |
| Công ty cổ phần phát triển siêu thị Hà Nội | Khó có khả năng thu hồi | 2.192.519.364 | - | - |
| Công ty Cổ Phần Phân Phối Hapro | Khó có khả năng thu hồi | 1.048.931.701 | - | - |
| Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Đức Việt Hà | Khó có khả năng thu hồi | 192.433.666 | Khó có khả năng thu hồi | 192.433.666 |
| Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thái Bình | Khó có khả năng thu hồi | 69.156.640 | Khó có khả năng thu hồi | 69.156.640 |
| Trường mầm non tư thục Hoàng Gia | Khó có khả năng thu hồi | 476.649.141 | Khó có khả năng thu hồi | 476.649.141 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Hải Dương | Khó có khả năng thu hồi | 184.336.628 | Khó có khả năng thu hồi | 184.336.628 |
| Công ty TNHH Thương mại Thành Phát | Khó có khả năng thu hồi | 6.050.901.337 | - | - |
| Công ty TNHH cơ điện lạnh Tân Thành Đạt | Khó có khả năng thu hồi | 3.590.845.240 | - | - |
| Công ty TNHH Quảng Nam | Khó có khả năng thu hồi | 4.390.594.048 | - | - |
| Trả trước cho người bán | 159.744.174.248 | (159.744.174.248) | 1.067.810.591 | (1.067.810.591) |
| Công ty TNHH Sản xuất - XNK An Lạc | Khó có khả năng thu hồi | 20.034.401 | Khó có khả năng thu hồi | 20.034.401 |
| Công ty TNHH VAC | Khó có khả năng thu hồi | 1.047.776.190 | Khó có khả năng thu hồi | 1.047.776.190 |
| Công ty TNHH Phước Thiên Phước | Khó có khả năng thu hồi | 700.000.000 | - | - |
| Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Điều Việt Hà | Khó có khả năng thu hồi | 19.160.407.765 | - | - |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại - Dịch Vụ Tuyệt Anh | Khó có khả năng thu hồi | 2.411.656.436 | - | - |
| Công ty TNHH Nông Sản Thiên Phước | Khó có khả năng thu hồi | 1.190.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Lê Gia | Khó có khả năng thu hồi | 2.758.707.703 | - | - |
| Công ty TNHH Trần Thiên Phúc | Khó có khả năng thu hồi | 4.580.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An | Khó có khả năng thu hồi | 116.686.935.911 | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Công ty CP Sản xuất Chế biến XNK Điều Việt Hà Bình Phước | Khó có khả năng thu hồi | 7.000.713.842 | (7.000.713.842) | - |
| Công ty CP Sản xuất Kỹ thuật Thương mại Tây Nam | Khó có khả năng thu hồi | 1.450.328.000 | (1.450.328.000) | - |
| Công ty TNHH NS Thiên Phước | Khó có khả năng thu hồi | 2.737.614.000 | (2.737.614.000) | - |
| Các khoản phải thu khác | | 16.253.371.194 | (16.253.371.194) | - |
| Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phúc An | Khó có khả năng thu hồi | 13.809.351.470 | (13.809.351.470) | - |
| Công ty CP Sản xuất Chế biến XNK Điều Việt Hà Bình Phước | Khó có khả năng thu hồi | 2.444.019.724 | (2.444.019.724) | - |
| Cộng | | 194.193.913.207 | (194.193.913.207) | 1.990.386.666 (1.990.386.666) |